

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17/3/2023

V/v “Không công nhận  
quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Thanh Tùng.

2. Bà Ma Khánh Ly.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thị Hạnh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ dân phố VQ, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

\* Bị đơn: Ông Hà Văn C, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ dân phố VQ, thị trấn VL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà Th, ông C đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đoàn Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Th và ông Hà Văn C được tự do tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng bà chung sống tại tổ dân phố Vĩnh Quý, thị

trần Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông C không tin tưởng, nghi ngờ bà có quan hệ với người đàn ông khác, ông C hay chửi bới và đánh đập bà, bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông C vẫn không thay đổi dẫn đến cuộc sống chung hết sức căng thẳng. Bà và ông C sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà và ông C không đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa bà và ông Hà Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng bà sinh được 02 con chung tên là Hà Thanh T, sinh ngày 26/12/1996 và Hà Trung L, sinh ngày 07/12/1992. Cháu L bị tai nạn đã chết năm 2013, đối với cháu Hà Thanh T hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hà Văn C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đoàn Thị Th được tự do tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới vợ chồng ông chung sống tại tổ dân phố Vĩnh Quý, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, trong làm ăn kinh tế và do ông bị tai nạn không lao động được nên vợ chồng xảy ra cãi, chửi nhau dẫn đến tình cảm bị rạn nứt cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng từ năm 2021, ông và bà Th sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông và bà Th không đăng ký kết hôn, bà Th yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng ông hoàn toàn nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông C và bà Th sinh được 02 con chung tên Hà Thanh T, sinh ngày 26/12/1996 và Hà Trung L, sinh ngày 07/12/1992. Cháu L bị tai nạn đã chết năm 2013, đối với cháu Hà Thanh T hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông và bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Đoàn Thị Th và ông Hà Văn C đều giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, về con chung: Có 02 con là cháu Hà Thanh T, sinh ngày 26/12/1996 và cháu Hà Trung L, sinh ngày 07/12/1992. Cháu L bị tai nạn đã chết năm 2013, đối với cháu Hà Thanh T hiện nay đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải

quyết; về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 17/02/2023 đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa cung cấp: Qua rà soát sổ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang từ năm 1991 đến nay không có trường hợp nào tên vợ là Đoàn Thị Th, sinh năm 1969, tên chồng là Hà Văn C, sinh năm 1965 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; căn cứ các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Th: Không công nhận quan hệ giữa bà Đoàn Thị Th với ông Hà Văn C là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con là cháu Hà Thanh T, sinh ngày 26/12/1996 và cháu Hà Trung L, sinh ngày 07/12/1992. Cháu L bị tai nạn đã chết năm 2013, đối với cháu Hà Thanh T hiện nay đã trưởng thành và có khả năng lao động bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Đoàn Thị Th và ông Hà Văn C xác định tự thỏa thuận, nên không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét, giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về pháp luật tố tụng.*

Bà Đoàn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông Hà Văn C là vợ chồng. Ông Hà Văn C có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Vĩnh Quý, thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bà Đoàn Thị Th và ông Hà Văn C đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Th và ông Hà Văn C tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1991, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống bà Th và ông C đều xác định thời gian đầu sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế nên xảy ra cãi, chửi nhau. Đến năm 2021 vợ chồng sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà Th yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông C, ông C đồng ý. Xét thấy yêu cầu của bà Th và ông C là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, 14, 53, 57 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa bà Đoàn Thị Th và ông Hà Văn C là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà Th và ông C có 02 con chung là Hà Thanh T, sinh ngày 26/12/1996 và cháu Hà Trung L, sinh ngày 07/12/1992. Cháu L bị tai nạn đã chết năm 2013, hiện nay cháu T đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Bà Th và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Th và ông C xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, do vậy không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

*[3] Về án phí:* Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đoàn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Ông Hà Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

*[4] Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Đoàn Thị Th và ông Hà Văn C là vợ chồng.

2. Về án phí: Bà Đoàn Thị Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0006080 ngày 29/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang nay được chuyển thành án phí. Bà Th đã nộp đủ án phí.

Ông Hà Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- UBND thị trấn VL;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Huệ**

